

| | | | |
|---------------------------|-------------------|--------------|--------------|
| Ngày 28/06/2024 | 27,200 VNĐ | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -13.4% | 11.9% | 28.9% |

| | | |
|------------|-------------|---------------------------|
| | Q2/24 | |
| ROE | 9.0% | +/- YoY ▲ 14.3% |

| | | | |
|-----------------|-------------|-------------------|-------------------|
| | Q2/24 | | |
| DT thuần | 64.0 | QoQ | YoY |
| | | ▼ 59.0 ▼ 48.0% | ▲ 11.7 ▲ 22.4% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|-----------------|------------|-----------------|
| | 6T 2024 | |
| DT thuần | 187 | YoY |
| | | ▲ 134 ▲ 254% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|---------------|-------------|-------------------|------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN gộp | 11.8 | QoQ | YoY |
| | | ▼ 22.0 ▼ 65.2% | ▲ 8.48 ▲ 255% |
| | tỷ VNĐ | | |

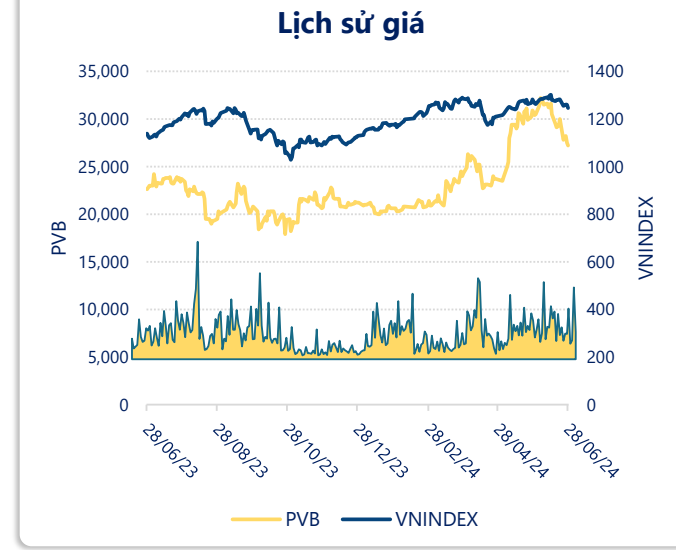
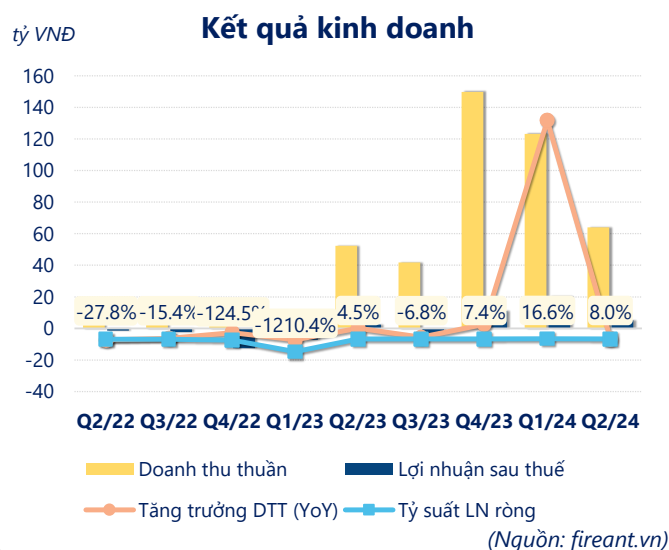
| | | |
|---------------|-------------|-------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN gộp | 45.6 | YoY |
| | | ▲ 47.9 ▲ 2050% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|-----------------|-------------|-------------------|-------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN thuần | 6.34 | QoQ | YoY |
| | | ▼ 19.3 ▼ 75.3% | ▲ 5.96 ▲ 1567% |
| | tỷ VNĐ | | |

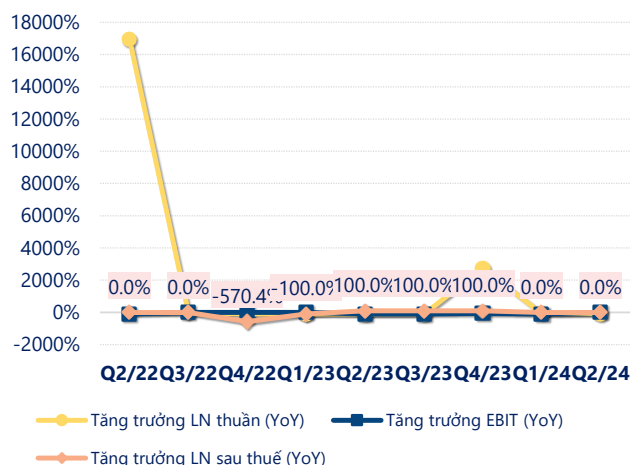
| | | |
|-----------------|-------------|------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN thuần | 31.9 | YoY |
| | | ▲ 38.9 ▲ 556% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|--------------------|-------------|-------------------|------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN sau thuế | 5.15 | QoQ | YoY |
| | | ▼ 15.4 ▼ 74.9% | ▲ 2.81 ▲ 120% |
| | tỷ VNĐ | | |

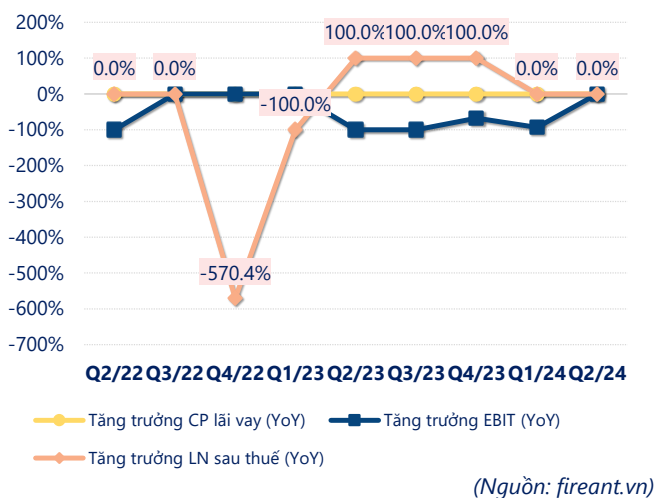
| | | |
|--------------------|-------------|------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN sau thuế | 25.7 | YoY |
| | | ▲ 30.5 ▲ 633% |
| | tỷ VNĐ | |



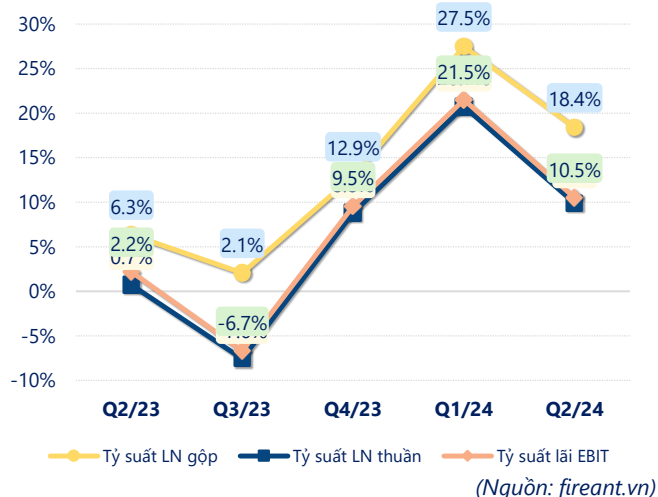
Tăng trưởng lợi nhuận



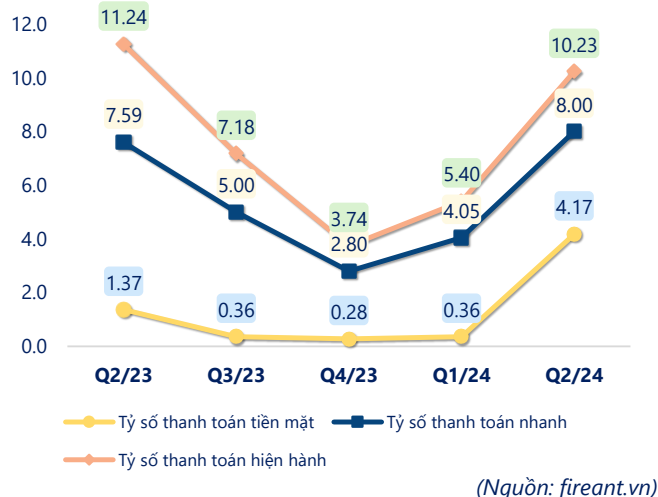
Tăng trưởng chi phí



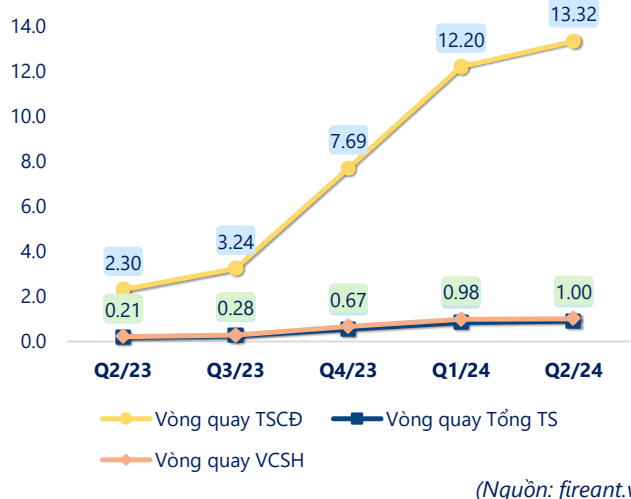
Tỷ suất lợi nhuận



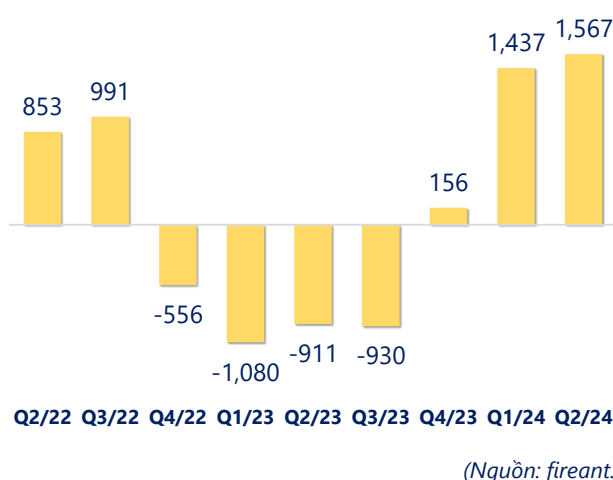
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q2/24 | Q2/23 | Thay đổi YoY | 6T 2024 | 6T 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|-------------|--------------|-----------------|-------------|--------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 64.0 | 52.3 | 22.4% | 187 | 52.9 | 254% |
| Giá vốn hàng bán | 52.2 | 49.0 | 6.6% | 142 | 55.3 | 156% |
| Lợi nhuận gộp | 11.8 | 3.32 | 255% | 45.6 | -2.34 | 2050% |
| Doanh thu HĐTC | 0.93 | 2.93 | -68.3% | 1.93 | 6.14 | -68.5% |
| Chi phí TC | 0.28 | -0.02 | 1509% | 1.14 | 0.10 | 1091% |
| Chi phí lãi vay | 0.28 | -0.02 | 1509% | 1.14 | -0.02 | 7472% |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí QLDN | 6.08 | 5.90 | 3.1% | 14.5 | 10.7 | 35.8% |
| LN thuần từ HĐKD | 6.34 | 0.38 | 1567% | 31.9 | -6.99 | 556% |
| Lợi nhuận khác | 0.10 | 0.78 | -86.9% | 0.19 | 0.99 | -81.2% |
| LN trước thuế | 6.44 | 1.16 | 455% | 32.1 | -6.00 | 635% |
| Lợi nhuận sau thuế | 5.15 | 2.34 | 120% | 25.7 | -4.82 | 633% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 5.15 | 2.34 | 120% | 25.7 | -4.82 | 633% |

(Nguồn: fireant.vn)

